## BẢNG GIẢI TRÌNH CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Điều khoản tham chiếu** | **Quy định hiện hành** | **Quy định dự kiến sửa đổi** | **Lý do** |
| **Thông tư số 31/2012/TT-NHNN ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã** | | | | |
| 1 | Khoản 1 Điều 34 | 1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng khác: Không thuộc đối tượng áp dụng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 146 Luật các tổ chức tín dụng tại thời điểm đề nghị tham gia là thành viên. | 1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân và các tổ chức tín dụng khác: Không thuộc đối tượng áp dụng kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 1 Điều 145 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi bổ sung tại thời điểm đề nghị tham gia là thành viên. | Sửa đổi cho phù hợp với quy định tại Luật các TCTD năm 2017. |
| 2 | Điều 41 |  | 3. Cho vay theo chỉ định của Ngân hàng Nhà nước để hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân thành viên chi trả tiền gửi trong trường hợp xảy ra sự cố rút tiền hàng loạt. Các khoản cho vay theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước được phân loại vào nhóm 1, và được tính hệ số rủi ro bằng 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng hợp tác xã. | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến vai trò đầu mối của NHHTX tại Đề án phát triển hệ thống QTDND và chỉ đạo của PTĐ Đào Minh Tú về định hướng hoạt động của NHHTX.  - Tạo hành lang pháp lý cho NHHTX trong việc hỗ trợ các QTDND xử lý khó khăn trong hoạt động.  - Tăng cường vai trò đầu mối hệ thống của NHHTX. |
| 3 | Khoản 3 Điều 44 | 3. Kiểm tra, giám sát hoạt động nghiệp vụ, việc thực hiện các quy định về an toàn của quỹ tín dụng nhân dân. | 3. Kiểm tra, giám sát hoạt động, việc thực hiện các quy định về an toàn của quỹ tín dụng nhân dân thành viên theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước |
| 4 | Điều 44 |  | 4. Thực hiện cho vay hỗ trợ chi trả tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước. | - Quy định để đảm bảo thống nhất với nội dung đề xuất sửa đổi về hoạt động cho vay hỗ trợ của NHHTX tại nội dung dự thảo.  - Đảm bảo phân công trách nhiệm phù hợp, rõ ràng giữa các đơn vị trong NHNN trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động của TCTD là HTX. |
| 5 | Điều 46 |  | 4. Đầu mối tiếp nhận văn bản đề nghị của NHNN chi nhánh, phối hợp với các đơn vị thuộc NHNN trình Thống đốc NHNN xem xét, yêu cầu ngân hàng hợp tác xã cho vay hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Thông tư này. |
| 6 | Điểm b  Khoản 1  Điều 47 |  | b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước yêu cầu ngân hàng hợp tác xã cho vay hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 41. |
| 7 | Khoản 2 Điều 47 |  | 2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh:  a) Đánh giá tình hình khả năng chi trả thực tế của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, có văn bản đề xuất gửi Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) yêu cầu ngân hàng hợp tác xã cho vay hỗ trợ quỹ tín dụng nhân dân chi trả tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Thông tư này, trong đó đề xuất cụ thể mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay;  b) Phối hợp với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc yêu cầu ngân hàng hợp tác xã kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân thành viên theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Thông tư này. |
| **Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân** | | | | |
| 8 | Khoản 1a |  | 1a. Ngân hàng hợp tác xã. | Quy định thêm đối tượng điều chỉnh của Thông tư cho đầy đủ. |
| 9 | Khoản 7 Điều 3 | 7. Vốn góp thường niên là số vốn hằng năm mà thành viên phải góp để duy trì tư cách thành viên. | 7. *Vốn góp bổ sung* là vốn góp thêm của thành viên (ngoài vốn góp xác lập tư cách thành viên) để quỹ tín dụng nhân dân thực hiện hoạt động kinh doanh. | Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến hoạt động của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND, ý kiến chỉ đạo của PTĐ Đào Minh Tú về định hướng hoạt động của QTDND cũng như kiến nghị của các đơn vị có liên quan. Theo đó, không yêu cầu thành viên của QTDND góp vốn thường niên nhưng vẫn tạo điều kiện để các thành viên góp thêm vốn cho hoạt động của QTDND nếu có nhu cầu.. |
| 10 | Điều 8 | **Điều 8. Địa bàn hoạt động**  1. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã).  2. Địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân phải là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi trong cùng một quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.  3. Quỹ tín dụng nhân dân có thể được xem xét chấp thuận hoạt động trên địa bàn liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 300 thành viên tại thời điểm đề nghị;  b) Có vốn điều lệ tối thiểu gấp 05 lần mức vốn pháp định tại thời điểm đề nghị;  c) Kinh doanh có lãi trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;  d) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;  đ) Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong 12 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị;  e) Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm trước thời điểm đề nghị;  g) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;  h) Có tài liệu chứng minh khả năng liên kết cộng đồng tại địa bàn xã liền kề trên cơ sở có sự liên kết về chung lợi ích cộng đồng, điều kiện địa lý, văn hóa, tập quán địa phương, vùng, miền, ngành nghề, các đặc thù khác trên địa bàn;  i) Không thuộc diện quỹ tín dụng nhân dân yếu kém phải thực hiện cơ cấu lại theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;  k) Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị.  4. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có phương án tái cơ cấu đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh phê duyệt, địa bàn hoạt động thực hiện theo phương án đã được phê duyệt.  5. Trình tự, hồ sơ chấp thuận hoạt động trên địa bàn liên xã của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. | **Điều 8. Địa bàn và quy mô hoạt động**  1. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là một xã).  2. Quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động trên địa bàn liên xã là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày …..… (ngày hiệu lực của TT) được tiếp tục hoạt động tại các xã liền kề với xã nơi đặt trụ sở chính nếu đáp ứng các điều kiện sau:  a) Có tối thiểu 300 thành viên tại thời điểm đề nghị;  b) Có vốn điều lệ tối thiểu gấp 05 lần mức vốn pháp định tại thời điểmđề nghị;  c) Kinh doanh có lãi trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;  d) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;  đ) Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong 12 tháng liên tiếp trước thời điểmđề nghị;  e) Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm trước thời điểm đề nghị;  g) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;  h) Có tài liệu chứng minh khả năng liên kết cộng đồng tại địa bàn xã liền kề trên cơ sở có sự liên kết chung về lợi ích cộng đồng, điều kiện địa lý, văn hóa, tập quán địa phương, vùng, miền, ngành nghề, các đặc thù khác trên địa bàn;  i) Không thuộc diện quỹ tín dụng nhân dân yếu kém phải thực hiện cơ cấu lại theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;  k) Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân trong 24 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị.  Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày… (ngày hiệu lực của TT), quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc đáp ứng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản này.  3. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn liên xã theo quy định về quỹ tín dụng nhân dân ngành nghề tại Thông tư số 06/2007/TT-NHNN ngày 06/11/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung Thông tư số [08/2005/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-08-2005-tt-nhnn-to-chuc-hoat-dong-quy-tin-dung-nhan-dan-huong-dan-nghi-dinh-48-2001-nd-cp-69-2005-nd-cp-8422.aspx) ngày 30/12/2005 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Nghị địnhsố [48/2001/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-48-2001-nd-cp-to-chuc-va-hoat-dong-cua-quy-tin-dung-nhan-dan-48043.aspx) ngày13/08/2001 về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và Nghị định số [69/2005/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/doanh-nghiep/nghi-dinh-69-2005-nd-cp-to-chuc-hoat-dong-quy-tin-dung-nhan-dan-sua-doi-nghi-dinh-48-2001-nd-cp-2607.aspx) ngày 26/05/2005 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [48/2001/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/nghi-dinh-48-2001-nd-cp-to-chuc-va-hoat-dong-cua-quy-tin-dung-nhan-dan-48043.aspx) ngày 13/08/2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân được tiếp tục hoạt động trên địa bàn liên xã đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.  4. Việc thay đổi địa bàn hoạt động do chia, tách địa giới hành chính kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015 được thực hiện như sau:  a) Quỹ tín dụng nhân dân được hoạt động trên địa bàn liên xã bao gồm các xã được hình thành do chia, tách địa giới hành chính trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày… (ngày hiệu lực của TT) đối với trường hợp văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành trước ngày… (ngày hiệu lực của TT) hoặc 30 ngày kể từ ngày văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thông báo về việc điều chỉnh địa giới hành chính và đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép;  c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.  5. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trên địa bàn liên xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do chia, tách địa giới hành chính kể từ ngày… (ngày hiệu lực của TT) phải chấm dứt hoạt động trên địa bàn liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 47 Thông tư này.  6. Quy mô hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân phải đảm bảo các quy định sau:  a) Tổng tài sản của quỹ tín dụng nhân dân không được vượt quá 500 tỷ đồng;  b) Tổng mức nhận tiền gửi không được vượt quá 25 lần vốn chủ sở hữu. | Quy định được xây dựng nhằm mục đích:  - Triển khai nội dung giải pháp liên quan đến địa bàn và quy mô hoạt động của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Tạo điều kiện cho các QTDND hoạt động an toàn, ổn định được giữ nguyên địa bàn hoạt động hiện tại.  - Phù hợp với thực tế khách quan trong hoạt động của QTDND đối với những trường hợp phát sinh địa bàn mới do chia, tách địa giới hành chính.  - Đề ra các giới hạn về quy mô cũng như các điều kiện để xem xét việc giữ nguyên quy mô đối với các QTDND có quy mô hoạt động lớn để hạn chế việc QTDND phát triển vượt quá khả năng quản trị, điều hành, quản lý rủi ro dẫn đến những rủi ro có thể phát sinh ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ hệ thống QTDND. |
| 11 | Điểm c(iii)  Khoản1  Điều 12 |  | Hủy bỏ | Để đảm bảo phù hợp với quy định về cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 12 | Điểm d  Khoản 1  Điều 12 | d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh coi như đơn vị được hỏi ý kiến không có ý kiến phản đối. | d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân dự kiến đặt trụ sở chính, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam có văn bản tham gia ý kiến về các nội dung được đề nghị. Quá thời hạn nêu trên, nếu không nhận được ý kiến bằng văn bản của các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh coi như đơn vị được lấy ý kiến không có ý kiến phản đối. |
| 13 | Điểm đ  Khoản 1  Điều 12 | đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do. | đ) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hoặc kể từ ngày hết thời hạn gửi lấy ý kiến mà không nhận được ý kiến tham gia, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị chấp thuận nguyên tắc thành lập quỹ tín dụng nhân dân và chấp thuận danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi Ban trù bị, trong đó nêu rõ lý do. |
| 14 | Điểm b Khoản 3 Điều 12 | b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép và có văn bản xác nhận việc đăng ký Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do. | b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh cấp Giấy phép; trường hợp không cấp Giấy phép, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản nêu rõ lý do | Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định có liên quan về xác nhận Điều lệ của TCTD tại Luật các TCTD sửa đổi. |
| 15 | Điểm a khoản 4 Điều 15 | a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; có đủ vốn điều lệ được gửi vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động, vốn điều lệ được chấm dứt phong tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động | a) Có Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; có đủ vốn điều lệ được gửi vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động, vốn điều lệ được chấm dứt phong tỏa khi quỹ tín dụng nhân dân đã khai trương hoạt động. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định có liên quan về việc đăng ký hợp tác xã. |
| 16 | Khoản 2, 3  Điều 17 | 2. Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân gồm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập (đối với trường hợp thành lập quỹ tín dụng nhân dân) quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định nhưng không ít hơn 03 (ba) thành viên.  3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 (hai) năm và không quá 05 (năm) năm. | 2. Hội đồng quản trị quỹ tín dụng nhân dân gồm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị. Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập (đối với trường hợp thành lập quỹ tín dụng nhân dân) quỹ tín dụng nhân dân trực tiếp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo thể thức bỏ phiếu kín. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định nhưng không ít hơn 03 (ba) thành viên.  Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị.  3. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên quyết định và được ghi trong Điều lệ, ít nhất là 02 năm và không quá 05 năm. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc | Quy định lại cho thống nhất với quy định tại Luật các TCTD về HĐQT, bổ sung thêm quy định về việc bổ sung thêm thành viên HĐQT trong trường hợp khuyết thiếu. |
| 17 | Khoản 2  Điều 18 | 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của quỹ tín dụng nhân dân. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: | 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:  …. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định tại Luật các TCTD. |
| 18 | Điều 20 | **Điều 20. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị**  1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân;  b) Không thuộc những trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ của quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 (hai) năm trở lên hoặc có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân;  d) Chấp hành quy định của pháp luật; không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng trong thời gian 24 tháng liền kề trước thời điểm được bầu.  2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này;  b) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều này;  c) Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật từ 02 năm trở lên;  d) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 năm trở lên;  đ) Đảm bảo một trong những điều kiện sau:  (i) Có bằng đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật;  (ii) Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân;  e) Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước khi xem xét, chỉ định nhân sự giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 20. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị**  1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:  a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị:  (i) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện theo pháp nhân của thành viên pháp nhân;  (ii) Thường trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;  (iii) Có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công tác;  (iv) Không thuộc những trường hợp quy định tại Điều 33, 34 Luật các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung;  (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời gian 24 tháng liền kề trước thời điểm được bầu;  (vi) Có ít nhất 01 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;  (vii) Có bằng cao đẳng và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân theo Chương trình đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước hoặc có bằng đại học trở lên;  b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch hội đồng quản trị:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị;  (ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.  2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:  a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều này;  (ii) Có ít nhất 02 năm là người quản lý, điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý, điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 04 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.  (iii) Có bằng đại học trở lên;  b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Hội đồng quản trị;  (ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.  3. Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước khi xem xét, chỉ định nhân sự giữ vị trí Chủ tịch Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân. Nhân sự dự kiến chỉ định phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Có uy tín, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;  b) Có bằng đại học trở lên;  c) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 năm trở lên | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến việc nâng cao năng lực quản trị của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Điều chỉnh lại cho phù hợp với thực tế, giúp NHNN chi nhánh xác định được chính xác việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự dự kiến được bầu, bổ nhiệm.  - Phân loại tiêu chuẩn, điều kiện theo quy mô hoạt động để đảm bảo khả năng quản trị, điều hành phù hợp với quy mô phát triển của QTDND. |
| 19 | Khoản 1 Điều 21 | 1. Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát quỹ tín dụng nhân dân do Đại hội thành viên, Đại hội thành lập (đối với trường hợp thành lập quỹ tín dụng nhân dân) bầu trực tiếp, có không ít hơn 03 (ba) thành viên, trong đó phải có ít nhất 01 (một) thành viên chuyên trách. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có nguồn vốn hoạt động từ 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) trở xuống và có dưới 1.000 thành viên thì việc bầu Ban kiểm soát hoặc chỉ bầu 01 (một) kiểm soát viên chuyên trách do Đại hội thành viên quyết định. | 1. Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng phải có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít 01 thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.  Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng phải có ít nhất 03 thành viên, trong đó phải có ít một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.   Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát không đủ  hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, quỹ tín dụng nhân dân phải bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến việc nâng cao năng lực quản trị của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Quy định số lượng thành viên BKS theo quy mô hoạt động để đảm bảo khả năng quản trị, điều hành phù hợp với quy mô phát triển của QTDND.  - Quy định lại cho thống nhất với quy định tại Luật các TCTD về BKS, bổ sung thêm quy định về việc bổ sung thêm thành viên BKS trong trường hợp khuyết thiếu. |
| 20 | Khoản 4  Điều 21 | 4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. | 4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trưởng Ban và thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. | Quy định lại cho thống nhất với quy định tại Luật các TCTD về nhiệm kỳ của BKS và hạn chế việc thâu tóm hoạt động của QTDND. |
| 21 | Điều 23 | **Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách**  1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Là thành viên cá nhân hoặc người đại diện phần vốn góp của thành viên pháp nhân;  b) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời là Kế toán trưởng, Thủ quỹ, nhân viên nghiệp vụ của quỹ tín dụng nhân dân và không phải là người có liên quan của Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Thủ quỹ quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân;  d) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư này.  2. Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách phải đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 1 Điều này;  c) Có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật. | **Điều 23. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát**  1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:  a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;  (ii) Có bằng cao đẳng trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân;  b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng ban kiểm soát:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát;  (ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;  (iii) Có ít nhất 02 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.  2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:  a) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(i), a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;  (ii) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;  b) Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Trưởng ban kiểm soát:  (i) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn đối với thành viên Ban kiểm soát;  (ii) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;  (iii) Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến việc nâng cao năng lực quản trị của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Phân loại tiêu chuẩn, điều kiện theo quy mô hoạt động để đảm bảo khả năng quản trị, điều hành phù hợp với quy mô phát triển của QTDND.  - Phù hợp với quy định mới về cơ cấu của BKS. |
| 22 | Điều 24 | **Điều 24. Điều kiện, tiêu chuẩn đối với Giám đốc**  1. Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân (đối với trường hợp Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị làm Giám đốc).  2. Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 33, Điều 34 Luật các tổ chức tín dụng.  3. Có thời gian công tác ở một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng từ 02 (hai) năm trở lên.  4. Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 (một) năm trở lên.  5. Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.  6. Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật và có văn bằng (hoặc chứng chỉ) chứng minh đã được đào tạo nghiệp vụ quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp Giám đốc là người đi thuê, ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 7 Điều này, phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên về một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật và không phải là người thuộc bộ máy quản trị, Điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân.  7. Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 20 Thông tư này. | **Điều 24. Giám đốc**  1. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản dưới 200 tỷ đồng:  a) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a(ii), a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này;  b) Là thành viên cá nhân của quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có ít nhất 02 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;  d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, quản trị kinh doanh, luật.  2. Đối với quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản từ 200 tỷ đồng đến 500 tỷ đồng:  a) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều này;  b) Có ít nhất 03 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 07 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;  3. Đối với trường hợp Giám đốc là người đi thuê:  a) Đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại điểm a(iii), a(iv), a(v) khoản 1 Điều 20 Thông tư này và điểm d khoản 1 Điều này;  b) Có ít nhất 04 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 08 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;  c) Không phải là người thuộc bộ máy quản trị, điều hành, Ban kiểm soát của thành viên là pháp nhân;  d) Cư trú tại địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong thời gian đương nhiệm.  3. Trong trường hợp cần thiết khi quỹ tín dụng nhân dân thực hiện cơ cấu lại, xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động hoặc được đặt vào kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thống nhất với Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính và báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trước khi xem xét, chỉ định nhân sự giữ vị trí Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân. Nhân sự dự kiến chỉ định phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn sau:  a) Có uy tín, có ý thức chấp hành pháp luật tốt;  b) Có bằng đại học trở lên;  c) Đã từng giữ chức vụ quản lý hoặc điều hành ở một đơn vị thuộc một trong các lĩnh vực ngân hàng, tài chính theo Điều lệ hoặc văn bản tương đương của đơn vị đó hoặc lãnh đạo cấp phòng hoặc chức danh tương đương trở lên theo quy định của cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội từ 01 năm trở lên. | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến việc nâng cao năng lực quản trị của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Phân loại tiêu chuẩn, điều kiện theo quy mô hoạt động để đảm bảo khả năng quản trị, điều hành phù hợp với quy mô phát triển của QTDND.  - Phù hợp với thực tế khi xử lý QTDND yếu kém trong trường hợp khuyết thiếu người quản lý, người điều hành. |
| 23 | Điều 25a |  | **Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm**  1. Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:  a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;  b) Có đơn xin từ chức gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của quỹ tín dụng nhân dân;  c) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;  d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại các Điều 20, 23, 24 Thông tư này;  đ) Các trường hợp khác do Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân quy định.  2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.  3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của quỹ tín dụng nhân dân phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh | Quy định cho thống nhất với quy định có liên quan tại Luật các TCTD đối với việc miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý, điều hành TCTD. |
| 24 | Khoản 1 Điều 26 | 1. Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân, hạch toán bằng đồng Việt Nam. | 1. Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân, hạch toán bằng đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được tăng từ các nguồn sau đây:  a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;  b) Vốn góp của thành viên mới, vốn do thành viên góp thêm;  c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật | Điều chỉnh lại cho thống nhất với quy định có liên quan về vốn điều lệ đối với các loại hình TCTD khác, tạo điều kiện thuận lợi cho các QTDND trong việc tham chiếu thực hiện |
| 25 | Điều 28 | **Điều 28. Góp vốn của thành viên**  1. Vốn góp của thành viên bao gồm vốn góp xác lập tư cách thành viên và vốn góp thường niên.  a) Mức vốn góp xác lập tư cách thành viên tối thiểu là 300.000 đồng;  b) Mức vốn góp thường niên tối thiểu là 100.000 đồng. Các thành viên quỹ tín dụng nhân dân không phải góp vốn thường niên trong năm tài chính đầu tiên kể từ khi tham gia quỹ tín dụng nhân dân. Vốn góp thường niên có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong năm tài chính, vốn góp thường niên bắt đầu thực hiện từ năm tài chính 2016.  2. Tổng mức góp vốn tối đa của một thành viên quỹ tín dụng nhân dân không được vượt quá 10% vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm góp vốn.  3. Việc góp vốn của thành viên quỹ tín dụng nhân dân được quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân. Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên, mức vốn góp thường niên và phương thức nộp, tổng mức góp vốn tối đa của một thành viên theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này.  4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành cho đến Đại hội thành viên gần nhất quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức vốn góp xác lập tư cách thành viên là 300.000 đồng.  5. Khi góp vốn xác lập tư cách thành viên, thành viên được nhận số góp vốn do quỹ tín dụng nhân dân in ấn theo mẫu tại Phụ lục số 05 Thông tư này và Thẻ thành viên theo mẫu do Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.  6. Quỹ tín dụng nhân dân phải mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp thường niên, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp của thành viên góp vốn. | **Điều 28. Góp vốn của thành viên**  1. Vốn góp của thành viên bao gồm vốn góp xác lập tư cách thành viên và vốn góp bổ sung như sau:  a) Mức vốn góp xác lập tư cách thành viên tối thiểu là 300.000 đồng;  b) Mức góp vốn bổ sung của thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Tổng mức góp vốn tối đa của một thành viên quỹ tín dụng nhân dân không được vượt quá 10% vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm góp vốn.  3. Việc góp vốn của thành viên quỹ tín dụng nhân dân được quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân. Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, phương thức nộp, tổng mức góp vốn tối đa của một thành viên.  4. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành cho đến ngày Đại hội thành viên gần nhất quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, mức vốn góp xác lập tư cách thành viên là 300.000 đồng.  5. Tư cách thành viên được xác lập sau khi Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới. Tư cách thành viên chấm dứt sau khi Đại hội thành viên thông qua danh sách cho thành viên ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân hoặc quyết định khai trừ thành viên.  Thành viên được nhận Thẻ thành viên theo mẫu do ngân hàng hợp tác xã hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân sau khi được xác lập tư cách thành viên.  Thành viên được nhận sổ góp vốn do quỹ tín dụng nhân dân in ấn theo mẫu tại Phụ lục số 05 Thông tư này sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận việc thay đổi mức vốn điều lệ.  6. Quỹ tín dụng nhân dân phải mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp của thành viên góp vốn | - Quy định được xây dựng để triển khai nội dung giải pháp liên quan đến hoạt động của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Quy định để các QTDND và NHNN chi nhánh thuận tiện trong việc xác định thời điểm xác lập, chấm dứt tư cách thành viên. |
| 26 | Điểm a Khoản 1 Điều 30 | a) Mức vốn góp còn lại (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần vốn góp) đáp ứng quy định về mức vốn góp xác lập tư cách thành viên, mức vốn góp thường niên quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư này. | a) Mức vốn góp còn lại (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần vốn góp) đáp ứng quy định về mức vốn góp xác lập tư cách thành viên quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư này. | Quy định để đảm bảo thống nhất với nội dung đề xuất về việc bỏ vốn góp thường niên của QTDND. |
| 27 | Điểm b  Khoản 2  Điều 30 | b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:  (i) Việc hoàn trả vốn góp không làm giảm giá trị thực vốn Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thấp hơn mức vốn pháp định;  (ii) Không vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trước và sau khi hoàn trả vốn góp cho thành viên;  Số vốn góp hoàn trả cho thành viên được xác định theo tỷ lệ vốn góp của thành viên so với giá trị thực vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm được chấp thuận chấm dứt tư cách thành viên. | b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân:  (i) Việc hoàn trả vốn góp không làm giảm giá trị thực của vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân thấp hơn mức vốn pháp định;  (ii) Không vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của quỹ tín dụng nhân dân*,* tỷ lệ mua, đầu tư vào tài sản cố định trước và sau khi hoàn trả vốn góp cho thành viên;  (iii) Số vốn góp hoàn trả cho thành viên được xác định theo công thức sau:  Trong đó: A: Số vốn góp hoàn trả cho thành viên.  B1: Số vốn góp của thành viên tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm được chấp thuận chấp dứt tư cách thành viên.  B2: Số vốn góp bổ sung của thành viên đã góp nhưng chưa được hạch toán vào vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.  C: Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm được chấp thuận chấm dứt tư cách thành viên.  C1: Giá trị thực của vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất với thời điểm được chấp thuận chấm dứt tư cách thành viên | Quy định lại để QTDND dễ dàng xác định số vốn góp hoàn trả cho thành viên. |
| 28 | Khoản 3  Điều 30 | 3. Việc hoàn trả, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của thành viên phải được Đại hội thành viên thông qua hoặc do Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân. | 3. Việc hoàn trả, chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của thành viên phải được Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân thông qua. Thời điểm quỹ tín dụng nhân dân hoàn trả vốn góp cho thành viên được thực hiện như sau:  a) Hoàn trả vốn góp nhưng không làm thay đổi mức Vốn điều lệ: quỹ tín dụng nhân dân hoàn trả vốn góp cho thành viên sau khi Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho ra khỏi thành viên hoặc quyết định khai trừ thành viên quỹ tín dụng nhân dân mà không làm thay đổi mức Vốn điều lệ và phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chậm nhất 03 ngày làm việc sau khi thực hiện;  b) Hoàn trả vốn góp trong trường hợp mức Vốn điều lệ giảm: quỹ tín dụng nhân dân hoàn trả vốn góp cho thành viên sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận giảm mức Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân;  c) Hoàn trả vốn góp trong trường hợp mức Vốn điều lệ tăng: quỹ tín dụng nhân dân hoàn trả vốn góp cho thành viên sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân | Quy định lại để QTDND dễ dàng xác định thời điểm hoàn trả vốn góp cho thành viên. |
| 29 | Khoản 1, 2 Điều 31 | 1. Đối với cá nhân:  a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có hộ khẩu và thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Cán bộ, công chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ khác trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư này;  c) Không thuộc các đối tượng sau đây:  (i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích;  (ii) Cán bộ, công chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;  (iii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;  d) Các điều kiện khác theo quy định của Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.  2. Đối với hộ gia đình:  a) Là hộ gia đình có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình;  b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. | 1. Đối với cá nhân:  a) Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, cư trú (thường trú hoặc tạm trú) trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Đối với chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng phải là người có hộ khẩu thường trú trên địa bàn hoạt động của QTDND trừ trường hợp có quy định khác của pháp luật;  b) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức, cơ quan có trụ sở chính đóng trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân là cán bộ, công chức, viên chức không được giữ các chức danh Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh chuyên môn nghiệp vụ khác trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều 20 Thông tư này;  c) Không thuộc các đối tượng sau đây:  (i) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang phải chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; người đã bị kết án từ tội phạm nghiêm trọng trở lên mà chưa được xóa án tích;  (ii) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc ở những ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật;  (iii) Sỹ quan, hạ sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân;  2. Đối với hộ gia đình:  a) Là hộ gia đình có các thành viên đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân; các thành viên trong hộ có chung tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hộ gia đình;  b) Người đại diện của hộ gia đình phải được các thành viên của hộ gia đình ủy quyền đại diện bằng văn bản theo quy định của pháp luật và phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này. | Quy định nhằm thực hiện giải pháp về phát triển thành viên của QTDND tại Đề án phát triển hệ thống QTDND, theo đó:  - Điều chỉnh lại quy định về điều kiện để cá nhân trở thành thành viên của QTDND theo hướng cho phép các cá nhân có đăng ký tạm trú trên địa bàn hoạt động của QTDND được tham gia làm thành viên của QTDND.  - Điều chỉnh lại quy định về điều kiện để hộ gia đình trở thành thành viên của QTDND cho thống nhất với quy định mới về điều kiện trở thành thành viên QTDND của cá nhân. |
| 30 | Điều 36b |  | **Điều 36b. Sổ tiết kiệm trắng**  1. Kể từ ngày 01/01/2020, các quỹ tín dụng nhân dân chỉ được sử dụng sổ tiết kiệm trắng theo mẫu thống nhất do ngân hàng hợp tác xã phát hành để nhận tiền gửi tiết kiệm của khách hàng khi thực hiện hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 36 Thông tư này.  2. Ngân hàng hợp tác xã có trách nhiệm:  a) Thực hiện thiết kế, ban hành và công bố trên phương tiện thông tin của ngân hàng hợp tác xã mẫu thống nhất sổ tiết kiệm trắng chậm nhất sau ….ngày kể từ ngày…(ngày hiệu lực của TT). Sổ tiết kiệm phải có yếu tố chống làm giả, bảo đảm phục vụ cho yêu cầu quản lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và quỹ tín dụng nhân dân;  b) Tổ chức in, quản lý, bán sổ tiết kiệm trắng cho quỹ tín dụng nhân dân và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn trong quá trình tổ chức in, quản lý, bán sổ tiết kiệm trắng;  c) Ban hành quy định nội bộ cung cấp sổ tiết kiệm trắng cho quỹ tín dụng nhân dân sau khi đã lấy ý kiến bằng văn bản của tất cả quỹ tín dụng nhân dân thành viên và phải đảm bảo tối thiểu hai phần ba tổng số quỹ tín dụng nhân dân tán thành về phương thức tính giá, nguyên tắc thay đổi giá bán, thời gian và phương thức cung cấp sổ tiết kiệm trắng. Quy định nội bộ cung cấp sổ tiết kiệm trắng phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây:  (i) Giá bán bảo đảm nguyên tắc bù đắp chi phí in, vận chuyển sổ tiết kiệm trắng, không vì mục tiêu lợi nhuận và được công khai, minh bạch dưới sự kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước;  (ii) Quy trình tổ chức thực hiện việc đăng ký nhu cầu, cung cấp sổ tiết kiệm trắng cho quỹ tín dụng nhân dân, bảo đảm cung cấp kịp thời, đầy đủ sổ tiết kiệm trắng theo đăng ký của quỹ tín dụng nhân dân hoặc trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch (do mất, hư hỏng…) và phục vụ cho việc giám sát của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh;  d) Trước ngày 10 hằng tháng hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố về tình hình cung cấp sổ tiết kiệm trắng cho quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố của tháng trước liền kề theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05 a Thông tư này để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố thực hiện việc theo dõi, giám sát tình hình sử dụng sổ tiết kiệm trắng của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.  3. Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm:  a) Tổ chức quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng. Quỹ tín dụng nhân dân phải ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng và gửi cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố ngay sau khi ban hành. Quy định nội bộ về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng tối thiểu phải có các nội dung sau đây:  (i) Quy trình cụ thể về đăng ký mua, quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng, đảm bảo quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng sổ tiết kiệm trắng trong quá trình lưu giữ, giao nhận, bàn giao, bảo quản, vận chuyển, sử dụng; về kiểm kê, đối chiếu hằng tháng; về xử lý sổ tiết kiệm trắng bị mất, bị hư hỏng. Sổ tiết kiệm trắng phải được quản lý chặt chẽ như giấy tờ có giá và chỉ được lưu giữ tại trụ sở của quỹ tín dụng nhân dân;  (ii) Trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc (Phó giám đốc), Ban kiểm soát và các cán bộ, bộ phận liên quan trong việc quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng; kiểm tra, đối chiếu sổ tiết kiệm trắng và xử lý sổ tiết kiệm trắng bị mất, bị hư hỏng;  (iii) Quy trình xử lý trách nhiệm của cá nhân, bộ phận liên quan trong việc quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng và làm mất sổ tiết kiệm trắng;  b) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh và ngân hàng hợp tác xã ngay khi mất sổ tiết kiệm trắng để có biện pháp xử lý, đồng thời niêm yết danh sách sổ tiết kiệm bị mất (số serial) tại trụ sở chính, phòng giao dịch, trụ sở Ủy ban nhân dân thuộc địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân ngay khi phát hiện bị mất sổ tiết kiệm;  Trước ngày 10 hằng tháng hoặc khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo tình hình sử dụng sổ tiết kiệm trắng của tháng trước liền kề theo mẫu quy định tại Phụ lục số 05a Thông tư này và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố;  c) Công khai mẫu sổ tiết kiệm trắng do ngân hàng hợp tác xã ban hành tại trụ sở chính, phòng giao dịch và trên các phương tiện truyền thông của xã, phường; tạo điều kiện để khách hàng đã gửi tiết kiệm tại quỹ tín dụng nhân dân đối chiếu với mẫu sổ tiết kiệm trắng và thực hiện đổi sổ tiết kiệm theo mẫu mới khi có nhu cầu.  4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có trách nhiệm:  a) Tổ chức thanh tra, giám sát, kiểm tra việc quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Thông báo đến các Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về sổ tiết kiệm trắng bị mất ngay khi nhận được báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này và phải kịp thời áp dụng ngay các biện pháp để xử lý theo đúng quy định;  c) Định kỳ hằng quý, trước ngày 20 tháng tiếp theo, tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng sổ tiết kiệm trắng của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn và thực hiện đối chiếu với báo cáo của ngân hàng hợp tác xã;  d)Tiếp nhận quy định nội bộ về quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm trắng của quỹ tín dụng nhân dân. Yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung quy định nội bộ trong trường hợp không đảm bảo các quy định có liên quan tại Thông tư này. | - Quy định để thắt chặt việc quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm tại các QTDND nhằm hạn chế các rủi ro có thể phát sinh từ việc buông lỏng quản lý, sử dụng sai nguyên tắc sổ tiết kiệm trắng.  - Tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động của QTDND đồng thời tăng tính liên kết giữa NHHTX với các QTDND thành viên thông qua việc NHHTX làm đầu mối thiết kiế, in ấn, phân phối một mẫu thống nhất sổ tiết kiệm cho toàn bộ các QTDND trong hệ thống. |
| 31 | Điều 37 | **Điều 37. Hoạt động cho vay**  1. Hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân chủ yếu nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên để thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống của các thành viên quỹ tín dụng nhân dân.  2. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay bằng đồng Việt Nam, theo quy định của pháp luật về việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay bảo đảm bằng Số góp vốn của thành viên.  3. Tổng mức cho vay của quỹ tín dụng nhân dân đối với một thành viên là pháp nhân không được vượt quá tổng số vốn góp và số dư tiền gửi của pháp nhân đó tại quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm quyết định cho vay và thời hạn cho vay không được vượt quá thời hạn còn lại của tiền gửi.  4. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với khách hàng là tổ chức, cá nhân không phải là thành viên, có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở bảo đảm bằng số tiền gửi do chính quỹ tín dụng nhân dân phát hành. Tổng số tiền cho vay không được vượt quá số dư của số tiền gửi tại thời điểm quyết định cho vay và thời hạn cho vay không được vượt quá thời hạn còn lại của số tiền gửi.  5. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay các hộ nghèo không phải là thành viên, đăng ký hộ khẩu và thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. Hộ nghèo phải nằm trong danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cho vay hộ nghèo thực hiện theo chế độ tín dụng hiện hành áp dụng đối với thành viên.  6. Quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Đại hội thành viên các khoản cho vay đối với Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác Ban kiểm soát, Giám đốc của quỹ tín dụng nhân dân phát sinh trước thời điểm họp Đại hội thành viên; báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi phát sinh các khoản cho vay đối với các đối tượng này.  7. Cùng với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam cho vay hợp vốn đối với thành viên của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật. | **Điều 37. Hoạt động cho vay**  1. Hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân chủ yếu nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên để thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống của các thành viên quỹ tín dụng nhân dân.  2. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay bằng đồng Việt Nam, theo quy định của pháp luật về việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay bảo đảm bằng Số góp vốn của thành viên.  3. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân không phải là thành viên, có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở bảo đảm bằng số tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân.  4. Quỹ tín dụng nhân dân cho vay thành viên của hộ nghèo có đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp hộ nghèo không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp nhiều thành viên của hộ nghèo cùng vay vốn thì các thành viên của hộ nghèo cùng ký hoặc ủy quyền cho một thành viên của hộ nghèo đại diện ký thỏa thuận cho vay với quỹ tín dụng nhân dân. Hộ nghèo phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cho vay các thành viên hộ nghèo thực hiện theo chế độ tín dụng hiện hành áp dụng đối với thành viên.  5. Cho vay hợp vốn cùng Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đối với khoản cho vay có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên. | - Quy định nhằm triển khai giải pháp liên quan đến hoạt động của QTDND và vai trò đầu mối của NHHTX tại Đề án phát triển hệ thống QTDND.  - Phù hợp với năng lực về quản lý điều hành, quản trị rủi ro của QTDND và nâng cao vai trò hỗ trợ của NHHTX trong việc hỗ trợ hoạt động của QTDND thành viên. Theo đó, đối với các khoản vay có giá trị lớn (trên 500 triệu đồng), QTDND phải thực hiện cho vay hợp vốn với NHHTX.  - Đảm bảo sự phù hợp giữa nội hàm với phạm vi điều chỉnh của quy định. Theo đó, những nội dung liên quan đến giới hạn khoản vay được đưa sang Thông tư quy định về tỷ lệ đảm bảo an toàn của QTDND. |
| 32 | Khoản 11  Điều 41 |  | 11. Chịu sự kiểm tra, giám sát của ngân hàng hợp tác xã về hoạt động nghiệp vụ, việc thực hiện các quy định về an toàn trong trường hợp Ngân hàng Nhà nước yêu cầu. | Điều chỉnh cho phù hợp với các quy định mới được bổ sung vào Thông tư. |
| 33 | Khoản 3 Điều 45 | 3. Việc chuyển tiếp đối với quỹ tín dụng nhân dân không đảm bảo các quy định về địa bàn hoạt động; tỷ lệ vốn góp tối đa của một thành viên; thành viên đăng ký hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn; tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên thực hiện theo quy định tại các Điều 47, 48, 49 và 50 Thông tư này. | 3. Việc chuyển tiếp đối với quỹ tín dụng nhân dân không đảm bảo các quy định về địa bàn, quy mô hoạt động; tỷ lệ vốn góp tối đa của một thành viên; thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn; tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên thực hiện theo quy định tại các Điều 47, 47a, 47b, 48, 49 và 50 Thông tư này |
| 34 | Khoản 4, 5  Điều 45 |  | 4. Quỹ tín dụng nhân dân được chuyển vốn góp thường niên đã góp thành vốn góp bổ sung của thành viên theo quy định tại Thông tư này hoặc hoàn trả vốn góp thường niên cho đã góp cho thành viên trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày… (ngày hiệu lực của TT).  5. Sổ tiết kiệm do quỹ tín dụng nhân dân đã phát hành cho khách hàng được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn gửi tiền hoặc đổi mới nếu khách hàng có yêu cầu. Khi hết hạn gửi tiền, nếu khách hàng có nhu cầu tiếp tục gửi, quỹ tín dụng nhân dân phải thu hồi sổ tiết kiệm theo mẫu cũ và sử dụng sổ tiết kiệm theo mẫu do ngân hàng hợp tác xã ban hành.  Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày… (ngày hiệu lực của TT), quỹ tín dụng nhân dân phải thống kê, báo cáo tình hình sử dụng sổ tiết kiệm theo mẫu cũ cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh (bao gồm tổng số số tiết kiệm đã in, số lượng sổ tiết kiệm đã sử dụng, số lượng sổ tiết kiệm chưa sử dụng, số lượng sổ tiết kiệm mất, hư hỏng). Quỹ tín dụng nhân dân phải chuyển toàn bộ sổ tiết kiệm theo mẫu cũ về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh để thực hiện tiêu hủy ngay sau khi sổ tiết kiệm theo mẫu do ngân hàng hợp tác xã ban hành được sử dụng thống nhất trong toàn hệ thống hoặc sau khi thu hồi lại sổ tiết kiệm theo mẫu cũ từ khách hàng | Quy định về chuyển tiếp đối với quy định mới về góp vốn thường niên của thành viên QTDND và việc quản lý, sử dụng sổ tiết kiệm. |
| 35 | Khoản 1 Điều 46 |  | 1. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân chưa đảm bảo các quy định về địa bàn, quy mô hoạt động, tỷ lệ góp vốn của một thành viên, thành viên đăng ký thường trú ngoài địa bàn, tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên tại Thông tư này phải xây dựng các phương án xử lý và chủ động tổ chức thực hiện các biện pháp xử lý để tuân thủ đúng quy định | Bổ sung thêm cho phù hợp với quy định mới về quy mô hoạt động của QTDND. |
| 36 | Điều 47 | **Điều 47. Quy định chuyển tiếp đối với địa bàn hoạt động**  1. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân đang hoạt động trên địa bàn xã liền kề xã nơi đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận được tiếp tục hoạt động trên địa bàn đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân phải báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng hoặc Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính về việc đáp ứng từng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.  2. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động tại xã liền kề xã nơi đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh không đáp ứng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;  b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Kế hoạch, biện pháp xử lý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 24 tháng, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đáp ứng đủ điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này.  3. Sau thời hạn xử lý tối đa quy định tại khoản 2 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân vẫn không đáp ứng điều kiện hoạt động liên xã phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;  b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Kế hoạch, biện pháp xử lý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày kết thúc phương án xử lý nêu tại khoản 2 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động tại xã liền kề, điều chỉnh hoạt động về địa bàn xã nơi đặt trụ sở chính.  4. Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề xã nơi đặt trụ sở chính phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư này;  c) Kế hoạch, biện pháp xử lý, kể cả tổ chức lại dưới hình thức chia, tách theo quy định của pháp luật và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 36 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không còn địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề. | **Điều 47. Quy định chuyển tiếp đối với địa bàn hoạt động**  1. Tại thời điểm…. (ngày hiệu lực của TT), quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động liên xã là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không đáp ứng điều kiện được hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;  b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;  c) Kế hoạch, biện pháp xử lý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 12tháng, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành đáp ứng đủ điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 8 Điều 8 Thông tư này.  2. Sau thời hạn xử lý tối đa quy định tại khoản 1 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân vẫn không đáp ứng điều kiện hoạt động liên xã phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã;  b) Mức độ đáp ứng đối với từng điều kiện hoạt động liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này;  c) Kế hoạch, biện pháp xử lý và cam kết thực hiện đảm bảo trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày kết thúc phương án xử lý nêu tại khoản 1 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân chấm dứt hoạt động tại xã liền kề, điều chỉnh hoạt động về địa bàn xã nơi đặt trụ sở chính.  3. Tại thời điểm… (ngày hiệu lực của TT), quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động tại các xã không liền kề xã nơi đặt trụ sở chính hoặc có địa bàn hoạt động liên xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do chia tách địa giới hành chính phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu có các nội dung sau đây:  a) Thực trạng về địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân;  b) Kế hoạch, biện pháp xử lý, kể cả tổ chức lại dưới hình thức chia, tách theo quy định của pháp luật và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày … (ngày hiệu lực của TT) hoặc kể từ ngày văn bản điều chỉnh địa giới hành chính của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành chấm dứt hoạt động tại các xã không liền kề, xã ngoài phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | Quy định chuyển tiếp để các QTDND có thời gian điều chỉnh lại địa bàn, quy mô hoạt động theo quy định mới. |
| 37 | Điều 47a |  | **Điều 47a. Quy định chuyển tiếp về quy mô hoạt động**  1. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày….(ngày hiệu lực của TT), quỹ tín dụng nhân dân có quy mô hoạt động không đảm bảo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư này phải có văn bản kèm phương án gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động. Phương án của quỹ tín dụng nhân dân phải bao gồm tối thiểu các nội dung sau:  a) Thực trạng về quy mô hoạt động tính đến thời điểm đề nghị;  b) Khả năng đáp ứng, kế hoạch và biện pháp thực hiện để đảm bảo các điều kiện được xem xét giữ nguyên quy mô hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này;  c) Cam kết thực hiện đúng các kế hoạch và biện pháp đã đề ra.  2. Quỹ tín dụng nhân dân được xem xét chấp thuận giữ nguyên quy mô hoạt động theo quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư này nếu đáp ứng các điều kiện sau:  a) Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân góp phần quan trọng cho sự phát triển của kinh tế tại địa phương;  b) Không được huy động, cho vay ngoài thành viên kể từ thời điểm được chấp thuận giữ nguyên quy mô hoạt động. Đối với các hợp đồng cho vay, nhận tiền gửi đã được ký kết trước thời điểm được chấp thuận giữ nguyên quy mô hoạt động và phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết, quỹ tín dụng nhân dân và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng;  c) Có năng lực quản trị, điều hành, quản lý rủi ro phù hợp với quy mô;  d) Không vi phạm quy định về các giới hạn và tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;  đ) Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đạt 10%;  e) Quỹ tín dụng nhân dân được xếp loại 1 trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị theo quy định về xếp hạng quỹ tín dụng nhân dân của Ngân hàng Nhà nước.  3. Trên cơ sở đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân xã trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân về việc đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.Trong thời hạn tối đa 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) xem xét, quyết định chủ trương việc giữ nguyên quy mô hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân, trong đó bao gồm tối thiểu các nội dung sau:  a) Báo cáo tình hình hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân đến thời điểm đề nghị chấp thuận giữ nguyên quy mô hoạt động;  b) Đánh giá về khả năng của quỹ tín dụng nhân dân trong việc đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều;  c) Quan điểm về việc cho phép hoặc không cho phép quỹ tín dụng nhân dân được giữ nguyên quy mô hoạt động.  4. Trong thời hạn tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ra quyết định về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương cho phép quỹ tín dụng nhân dân được giữ nguyên quy mô hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.  5. Trong thời hạn tối đa 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản gửi quỹ tín dụng nhân dân chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giữ nguyên quy mô hoạt động; trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do.  6. Trường hợp được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận việc giữ nguyên quy mô hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân triển khai thực hiện phương án đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động.  7. Trường hợp không đề nghị chấp thuận giữ nguyên quy mô hoạt động hoặc không đáp ứng các điều kiện để được xem xét giữ nguyên quy mô hoạt động hoặc không được Ngân hàng Nhà nước chi nhánh chấp thuận việc giữ nguyên quy mô hoạt động hoặc không thực hiện đúng phương án đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân phải thực hiện các công việc sau:  a) Dừng không cho vay, nhận tiền gửi mới;  b) Trong thời hạn tối đa 30 ngày, kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành hoặc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc không chấp thuận việc giữ nguyên quy mô hoạt động hoặc kể từ ngày hết thời hạn thực hiện phương án đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động, quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án xử lý và gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, trong đó tối thiểu phải có những nội dung sau đây:  (i) Thực trạng về quy mô hoạt động;  (ii) Kế hoạch, biện pháp xử lý để giảm quy mô (thực hiện chia, tách hoặc chuyển giao tài sản cho các tổ chức tín dụng khác) và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày……..(ngày hiệu lực của TT) hoặc 24 tháng kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh về việc không chấp thuận việc giữ nguyên quy mô hoạt động hoặc 12 tháng kể từ ngày hết thời hạn thực hiện phương án đã gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khi đề nghị được giữ nguyên quy mô hoạt động tuân thủ quy định tại khoản 6 Điều 8 Thông tư này | - Quy định về chuyển tiếp đối với quy định mới về quy mô hoạt động, bao gồm cả nội dung liên quan đến chấp thuận của NHNN để QTDND được giữ nguyên quy mô hoạt động để QTDND có thời gian điều chỉnh theo quy định mới.  - Phù hợp với định hướng về giới hạn quy mô hoạt động tại Đề án phát triển hệ thống QTDND. |
| 38 | Điều 48 | **Điều 48. Quy định chuyển tiếp đối với thành viên đăng ký hộ khẩu thường trú ngoài địa bàn**  Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có thành viên cá nhân không thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 31 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó tối thiểu phải có những nội dung sau:  1. Số lượng thành viên không thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Tổng mức vốn góp và mức vốn góp của từng thành viên không thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.  3. Kế hoạch, biện pháp xử lý (bao gồm cả việc chuyển nhượng, chấm dứt tư cách thành viên) và cam kết thực hiện để đảm bảo sau thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không có thành viên không thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 48. Quy định chuyển tiếp về tổ chức của Ban kiểm soát**  Quỹ tín dụng nhân dân chưa có Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát không đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này tại thời điểm … (ngày hiệu lực của TT) phải xây dựng phương án xử lý để đảm bảo sau 12 tháng kể từ ngày... (ngày hiệu lực của TT) phải có Ban kiểm soát đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư này. | Quy định về chuyển tiếp đối với tổ chức của BKS để QTDND có thời gian điều chỉnh theo đúng quy định. |
| 39 |  | **Điều 50. Quy định chuyển tiếp đối với việc nhận tiền gửi từ thành viên**  Tại thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có mức nhận tiền gửi từ thành viên thấp hơn mức quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  1. Tổng số dư tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm báo cáo, trong đó nêu rõ: tổng số dư tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân; tỷ lệ số dư tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân so với tổng số dư tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Kế hoạch, lộ trình xử lý và cam kết thực hiện để đảm bảo trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành tuân thủ đúng quy định. | **Điều 50. Quy định chuyển tiếp đối với việc nhận tiền gửi từ thành viên**  Tại thời điểm... (ngày hiệu lực của TT) có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân có mức nhận tiền gửi từ thành viên thấp hơn mức quy định tại khoản 2 Điều 36 Thông tư này phải xây dựng phương án xử lý, trong đó phải có tối thiểu các nội dung sau:  1. Tổng số dư tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân tại thời điểm báo cáo, trong đó nêu rõ: tổng số dư tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân; tỷ lệ số dư tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân so với tổng số dư tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Kế hoạch, lộ trình xử lý và cam kết thực hiện để đảm bảo trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày... (ngày hiệu lực của TT)tuân thủ đúng quy định. | Quy định về chuyển tiếp đối với việc nhận tiền gửi từ thành viên để QTDND có thời gian điều chỉnh theo đúng quy định. |
| 40 | Điều 51 | **Điều 51. Xử lý sau chuyển tiếp**  Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết đối với quỹ tín dụng nhân dân, bao gồm cả biện pháp tái cơ cấu theo quy định của pháp luật, thu hồi Giấy phép, tùy theo hình thức và tính chất vi phạm trong các trường hợp sau:  1. Quỹ tín dụng nhân dân không gửi phương án xử lý sau thời hạn tối đa quy định tại khoản 2 Điều 46; không gửi báo cáo về việc đáp ứng từng điều kiện được hoạt động liên xã quy định tại khoản 1 Điều 47 Thông tư này; hoặc không gửi lại phương án xử lý phải sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng sau thời hạn tối đa quy định tại khoản 2 Điều 46 Thông tư này.  2. Sau thời hạn tối đa tại phương án xử lý quy định tại khoản 3, 4 Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Thông tư này hoặc sau thời hạn tối đa do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu, quỹ tín dụng nhân dân không thực hiện được phương án xử lý. | **Điều 51. Xử lý sau chuyển tiếp**  Ngân hàng Nhà nước chi nhánh áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết đối với quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, bao gồm cả biện pháp tái cơ cấu theo quy định của pháp luật, thu hồi Giấy phép, tùy theo hình thức và tính chất vi phạm trong các trường hợp sau:  1. Quỹ tín dụng nhân dân không gửi phương án xử lý sau thời hạn tối đa quy định tại khoản 2 Điều 46 Thông tư này; không gửi báo cáo về việc đáp ứng điều kiện được hoạt động liên xã quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này; hoặc không gửi lại phương án xử lý phải sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh sau thời hạn tối đa quy định tại khoản 2 Điều 46 Thông tư này.  2. Sau thời hạn tối đa tại phương án xử lý quy định tại khoản 2, 3 Điều 47, các Điều 47a, 48, 49 và 50 Thông tư này hoặc sau thời hạn tối đa do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu, quỹ tín dụng nhân dân không thực hiện được phương án xử lý. | Quy định để phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH cũng như bổ sung thêm các nội dung cho phù hơp với các quy định mới được bổ sung tại Thông tư. |
| 41 |  | **Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**  1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:  a) Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại các điểm b, điểm d khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật;  b) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;  c) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47 và Điều 51 Thông tư này;  d) Chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:  a) Quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi không có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;  b) Thẩm định, cấp Giấy phép, chấp thuận danh sách những người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân; xác nhận việc đăng ký Điều lệ Quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này; Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả việc cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có văn bản lấy ý kiến:  (i) Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban Kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;  (ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);  (iii) Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm c (iii) khoản 1 Điều 12 Thông tư này.  d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, và Điều 51 Thông tư này. Định kỳ hàng quý, trong thời gian 15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện quy định chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.  2. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:  a) Hướng dẫn thống nhất trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân việc thiết kế, in ấn Thẻ thành viên theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Thông tư này;  b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu. | **Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan**  1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:  a) Đầu mối tiếp nhận báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều này và theo quy định của pháp luật;  b) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục thanh trưa, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;  c) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính nơi có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, 47a và Điều 51 Thông tư này;  d) Chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét các vấn đề có liên quan đến việc thành lập, tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.  2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:  a) Quản lý, thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi không có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan;  b) Thẩm định, cấp Giấy phép, chấp thuận danh sách những người được dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Thông tư này; Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) kết quả việc cấp Giấy phép quỹ tín dụng nhân dân;  c) Có văn bản lấy ý kiến:  (i) Ủy ban nhân dân xã về việc thành lập quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân;  (ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy cần thiết);  (iii) Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng quy định tại điểm c(iii) khoản 1 Điều 12 Thông tư này;  d) Chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân trong việc thực hiện quy định về chuyển tiếp và xử lý sau chuyển tiếp tại các Điều 46, 47, 47a và Điều 51 Thông tư này. Định kỳ hàng quý, trong thời gian 15 ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của quý, có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) về tình hình thực hiện quy định chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn.  3. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:  a) Hướng dẫn thống nhất trong hệ thống quỹ tín dụng nhân dân việc thiết kế, in ấn Thẻ thành viên theo quy định tại khoản 5 Điều 28 Thông tư này;  b) Có ý kiến tham gia bằng văn bản đối với danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh hoặc quỹ tín dụng nhân dân yêu cầu. | Điều chỉnh cho phù hợp với các nội dung quy định mới được bổ sung. |
| 42 | Phụ lục |  | Bổ sung thêm phụ lục số 05a về mẫu biểu báo cáo tình hình phân phối, sử dụng sổ tiết kiệm của TCTD là HTX | Quy định để tạo sự thống nhất, dễ dàng tham chiếu thực hiện quy đinh về báo cáo tình hình phân phối, sử dụng sổ tiết kiệm. |
| **Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số**[**03/2014/TT-NHNN**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-03-2014-tt-nhnn-quy-bao-dam-an-toan-he-thong-quy-tin-dung-nhan-dan-223666.aspx)**ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số**[**04/2015/TT-NHNN**](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-04-2015-tt-nhnn-quy-tin-dung-nhan-dan-270443.aspx)**ngày 31/03/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân** | | | | |
| 43 |  |  | Bãi bỏ khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 2 | Bãi bỏ các nội dung có liên quan đến các quy định mới được bổ sung vào Thông tư số 04. |
| **Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước** **sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [31/2012/TT-NHNN](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tien-te-ngan-hang/thong-tu-31-2012-tt-nhnn-quy-dinh-ngan-hang-hop-tac-xa-153648.aspx" \o "Thông tư 31/2012/TT-NHNN" \t "_blank) ngày 26/11/2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về ngân hàng hợp tác xã.** | | | | |
| 44 |  |  | Khoản 1, 2 và 4 Điều 1 | Bãi bỏ các nội dung có liên quan đến các quy định mới được bổ sung vào Thông tư số 31. |
| **Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã** | | | | |
| 45 | Khoản 1  Điều 9 | 1. Hồ sơ đề nghị gồm:  a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn Điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  (i) Mức vốn Điều lệ được quy định trong Giấy phép;  (ii) Mức vốn Điều lệ dự kiến thay đổi;  (iii) Lý do và sự cần thiết của việc thay đổi mức vốn Điều lệ;  (iv) Nguồn sử dụng để tăng vốn Điều lệ (trường hợp tăng mức vốn Điều lệ);  (v) Phương án và thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn Điều lệ (trường hợp giảm mức vốn Điều lệ). Tổ chức tín dụng là hợp tác xã chỉ được thực hiện phương án giảm vốn Điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;  b) Quyết định của Đại hội thành viên thông qua việc thay đổi mức vốn Điều lệ. Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn Điều lệ, mức vốn Điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;  c) Tài liệu chứng minh việc góp vốn của thành viên (phiếu thu hoặc giấy nộp tiền hoặc sổ góp vốn của thành viên) có xác nhận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã đối với trường hợp tổ chức tín dụng là hợp tác xã đề nghị chấp thuận tăng mức vốn Điều lệ. | 1. Hồ sơ đề nghị gồm:  a) Văn bản đề nghị chấp thuận thay đổi mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung sau:  (i) Mức vốn điều lệ hiện tại;  (ii) Mức vốn điều lệ dự kiến thay đổi;  (iii) Lý do và sự cần thiết của việc thay đổi mức vốn điều lệ;  b) Phương án tăng mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:  (i) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ;  (ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên (nếu có);  c) Phương án giảm mức vốn điều lệ bao gồm tối thiểu các nội dung:  (i) Nguồn sử dụng để tăng vốn điều lệ (nếu có);  (ii) Nguồn sử dụng để hoàn trả vốn góp cho thành viên và mức độ đáp ứng các điều kiện để hoàn trả vốn góp cho thành viên;  (iii) Thời gian dự kiến hoàn thành việc giảm vốn điều lệ.  Tổ chức tín dụng là hợp tác xã chỉ được thực hiện phương án giảm vốn điều lệ sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;  b) Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc thay đổi mức vốn điều lệ.  Trường hợp đề nghị chấp thuận giảm mức vốn điều lệ, mức vốn điều lệ đề nghị giảm phải phù hợp với các quy định của pháp luật về vốn pháp định và có các phương án đảm bảo quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng là hợp tác xã;  c) Nghị quyết của Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới, cho ra khỏi quỹ tín dụng nhân dân; quyết định khai trừ thành viên;  d) Danh sách thành viên góp vốn trong năm theo Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của tổ chức tín dụng là hợp tác xã | Điều chỉnh lại cho phù hợp hơn với thực tế hoạt động của QTDND. |
| 46 | Điểm c  Khoản 1  Điều 11 | c) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm. Trong đó, nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. | c) Cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hiện tại và dự kiến sau khi bầu, bổ nhiệm. Trong đó nêu rõ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, số lượng thành viên Ban kiểm soát, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát. | Điều chỉnh lại cho phù hợp hơn với thực tế hoạt động của QTDND. |
| 47 | Khoản 4  Điều 15 | 4. Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (đối với địa bàn tỉnh, thành phố có Cục thanh tra, giám sát ngân hàng), ngân hàng hợp tác xã (nếu cần thiết) về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo thời gian quy định tại Điều 12 Thông tư này. | 2. Lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm cư trú, ngân hàng hợp tác xã (nếu thấy cần thiết) về danh sách nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm làm Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban và các thành viên khác của Ban kiểm soát, Giám đốc quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo thời gian quy định tại Điều 12 Thông tư này. | Điều chỉnh lại cho phù hợp hơn với thực tế hoạt động của QTDND, cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 48 | Điểm a(i)  Khoản 2  Điều 16 | (i) Số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trong đó dự kiến số lượng thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát (nếu có) | (i) Số lượng thành viên dự kiến được bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, trong đó dự kiến số lượng thành viên chuyên trách của Ban kiểm soát. | Điều chỉnh cho phù hợp với quy định mới về thành viên BKS. |
| 49 | Điểm b(ii)  Khoản 3  Điều 16 | (ii) Quỹ tín dụng nhân dân gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng (tại địa bàn tỉnh, thành phố có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng). | ii) Quỹ tín dụng nhân dân gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 50 | Phụ lục |  | Thay thế Phụ lục số 01 bằng Phụ lục số 02 đính kèm Thông tư này.  Bổ sung thêm Phụ lục số 01a theo mẫu tại Phụ lục số 03 đính kèm Thông tư này vào sau Phụ lục số 01. | Thay thế, bổ sung cho phù hợp với các quy định mới có liên quan. |
| **Thông tư số 32/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân** | | | | |
| 51 | Khoản 6  Điều 4 | 6. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định nội bộ, quỹ tín dụng nhân dân gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) về Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng một bộ hồ sơ gồm: | 6. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định nội bộ, quỹ tín dụng nhân dân gửi (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện) về Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố một bộ hồ sơ gồm: | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 52 | Khoản 7  Điều 4 | 7. Trường hợp các văn bản, quy định nội bộ có nội dung không phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | 7. Trường hợp các văn bản, quy định nội bộ có nội dung không phù hợp với quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật có liên quan, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 53 | Điểm c  Khoản 2  Điều 8 | c) Báo cáo Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng khi có phát sinh khoản cho vay | c) Báo cáo Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố khi có phát sinh khoản cho vay. |
| 54 | Khoản 3 Điều 8 | 3. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một thành viên là pháp nhân không được vượt quá tổng số vốn góp và số dư tiền gửi của pháp nhân đó tại quỹ tín dụng nhân dân tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay đối với thành viên là pháp nhân không được vượt quá thời hạn còn lại của số tiền gửi và khoản vay phải được đảm bảo bằng chính số tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân của pháp nhân. | 3. Tổng mức dư nợ cho vay đối với một thành viên là pháp nhân không được vượt quá tổng số vốn góp và số dư tiền gửi của pháp nhân đó tại quỹ tín dụng nhân dân tại mọi thời điểm. Thời hạn cho vay đối với thành viên là pháp nhân không được vượt quá thời hạn còn lại của số tiền gửi và khoản vay phải được đảm bảo bằng chính số tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân của pháp nhân.  Tổng mức dư nợ cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân không phải là thành viên không được vượt quá số dư của số tiền gửi tại thời điểm quyết định cho vay và thời hạn cho vay không được vượt quá thời hạn còn lại của sổ tiền gửi. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với quy định có liên quan về cho vay tại Thông tư số 04. Theo đó, bổ sung các các giới hạn về mức cho vay từ Thông tư số 04. |
| 55 | Khoản 6 Điều 8 | 6. Các giới hạn quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này không áp dụng đối với:  a) Các khoản cho vay theo ủy thác của Chính phủ, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân;  b) Các khoản cho vay có bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi tại chính quỹ tín dụng nhân dân về cả thời hạn và giá trị. | 6. Các giới hạn quy định tại khoản 2, 4, 5 Điều này không áp dụng đối với:  a) Các khoản cho vay theo ủy thác của Chính phủ, tổ chức (bao gồm cả tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) và cá nhân;  b) Các khoản cho vay có bảo đảm toàn bộ bằng tiền gửi tại chính quỹ tín dụng nhân dân về cả thời hạn và giá trị. | Các khoản cho vay được loại trừ ở khoản này là các khoản cho vay có rủi ro thấp, tuy nhiên theo quy định cũ, các khoản cho vay này đối với các đối tượng là Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc, kế toán trưởng của quỹ tín dụng nhân dân; Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán và thanh tra viên đang thanh tra tại quỹ tín dụng nhân dân; Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại điểm a khoản này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó; Người thẩm định, xét duyệt cho vay của quỹ tín dụng nhân dân không được loại trừ khỏi giới hạn cho vay. Do đó, cần điều chỉnh lại quy định cho đúng với bản chất của các khoản cho vay có rủi ro thấp. |
| 56 | Khoản 2, 3  Điều 11 | 2. Trong thời gian tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện phương án xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này cho Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng.  Trường hợp Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các biện pháp xử lý, tiến độ thực hiện, thời hạn thực hiện, quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu.  3. Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm bổ sung các biện pháp xử lý nêu tại khoản 2 Điều này và tiến độ thực hiện vào nội dung phương án tái cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân để triển khai đồng bộ theo yêu cầu của Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. | 2. Trong thời gian tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện phương án xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố.  Trường hợp Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố yêu cầu sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các biện pháp xử lý, tiến độ thực hiện, thời hạn thực hiện, quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo yêu cầu.  3. Quỹ tín dụng nhân dân có trách nhiệm bổ sung các biện pháp xử lý nêu tại khoản 2 Điều này và tiến độ thực hiện vào nội dung phương án tái cơ cấu tổ chức và hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân để triển khai đồng bộ theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 57 | Điểm b  Khoản 1  Điều 12 | b) Quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án xử lý gửi Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng. | b) Quỹ tín dụng nhân dân phải xây dựng phương án xử lý gửi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố. | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 58 | Điều 14 | **Điều 14. Xử lý sau chuyển tiếp**  Sau thời hạn chuyển tiếp tại phương án xử lý quy định tại Điều 12 Thông tư này hoặc sau thời hạn tối đa do Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng yêu cầu, quỹ tín dụng nhân dân không khắc phục được vi phạm thì tùy theo mức độ, tính chất rủi ro, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết bao gồm cả biện pháp tái cơ cấu theo quy định của pháp luật, thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân. | **Điều 14. Xử lý sau chuyển tiếp**  Sau thời hạn chuyển tiếp tại phương án xử lý quy định tại Điều 12 Thông tư này hoặc sau thời hạn tối đa do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố yêu cầu, quỹ tín dụng nhân dân không khắc phục được vi phạm thì tùy theo mức độ, tính chất rủi ro, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố áp dụng các biện pháp xử lý cần thiết bao gồm cả biện pháp tái cơ cấu theo quy định của pháp luật, thu hồi Giấy phép đối với quỹ tín dụng nhân dân. |
| 59 | Khoản 1  Điều 15 | 1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm:  a) Chủ trì phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc quỹ tín dụng nhân dân phải duy trì các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này;  b) Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm:  (i) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;  (ii) Tiếp nhận quy định nội bộ của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn, yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân chỉnh sửa, bổ sung quy định nội bộ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này;  (iii) Thẩm định phương án xử lý, yêu cầu bổ sung, sửa đổi phương án xử lý chuyển tiếp của quỹ tín dụng nhân dân (nếu thấy phương án xử lý chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc chưa bảo đảm tính khả thi) theo quy định tại khoản 2 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư này;  (iv) Gửi quy định nội bộ, kết quả thẩm định phương án xử lý chuyển tiếp cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố để phối hợp trong quản lý, giám sát việc thực hiện các quy định tại Thông tư này của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn. | 1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Vụ, Cục thuộc Ngân hàng Nhà nước trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc quỹ tín dụng nhân dân phải duy trì các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
|  | Điểm a  Khoản 2  Điều 15 | a) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh, thành phố nơi không có Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này. | a) Thanh tra, giám sát, xử lý đối với các hành vi vi phạm của quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 60 | Điểm e  Khoản 2  Điều 15 |  | Bãi bỏ | Điều chỉnh lại cho phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của CQTTGSNH. |
| 61 | Phụ lục 3 |  |  | Sửa đổi nội dung liên quan đến cách tính tỷ lệ khả năng chi trả. Theo đó, các khoản tiền gửi từ NHHTX được tính 100% số tiền gốc tại mọi thời điểm. Quy định này một mặt khuyến khích các QTDND gửi vốn nhàn rỗi lên NHHTX, một mặt vẫn đảm bảo phù hợp với thực tế do khi có vấn đề về khả năng chi trả, QTDND thành viên luôn được tạo điều kiện để rút tiền gửi dù chưa đến thời gian đáo hạn. |